

Tự viện - Đối tượng thờ cúng - Nghi lễ Phật giáo thời Trần

ISSN: 2734-9195 10:10 16/01/2026

Có được những thành quả trên một mặt bởi sự nỗ lực của đội ngũ tăng sĩ, sự chuộng Phật đạo của tín đồ - người dân, nhưng có một điểm không thể không kể đến đó là vai trò của vương triều Trần.

Tác giả: **PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương**

Phòng Phật giáo đương đại

Viện Trần Nhân Tông - Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt

Bài viết lần lượt đề cập đến 03 nội dung: i. Tự viện; ii. Đối tượng thờ cúng, iii. Nghi lễ Phật giáo thời Trần.

Với nội dung tự viện: Bài viết bắt đầu bằng đề cập một cách toát yếu toàn cảnh tự viện Phật giáo thời Trần. Trên cơ sở đó đi sâu vào một số nội dung như: Quá trình hình thành một số cụm di tích chùa tháp tiêu biểu (Yên Tử, Tức Mặc Vũ Lâm); Mô tả một số đại danh lam; nhận diện bình đồ một số tự viện, qua đó đưa ra một mô hình chung.

Với nội dung đối tượng thờ cúng: Thông qua các tài liệu khảo cổ học, những di vật hiện còn, đưa ra bức tranh về đối tượng thờ cúng; Chỉ ra những biểu hiện đặc thù về cách thiết trí, các đối tượng thờ cúng (Phật, Bồ Tát, Thánh Tăng, tín ngưỡng dân gian).

Với nội dung nghi lễ: Đề cập đến nghi lễ Phật giáo và nghi lễ chịu ảnh hưởng của Phật giáo. *Nghi lễ Phật giáo* bao gồm các nghi thức/ nghi lễ: Xuất gia, giới đàn, pháp hội, nghi thức sám hối, đàn chay, thời khóa, công phu tụng niệm của tăng sĩ... *Nghi lễ chịu ảnh hưởng của nghi lễ Phật giáo:* Cầu an, cầu siêu, cầu đảo...

Từ khóa: Phật giáo Thời Trần, Tự viện, Đối tượng thờ cúng, Nghi lễ, Giá trị.

I. Đặt vấn đề

Dưới Thời Trần, trên nền tảng của **Phật giáo Thời Lý**, Phật giáo phát triển đến đỉnh cao về mọi phương diện. Là một thực thể xã hội, Phật giáo Thời Trần không chỉ tồn tại như một tôn giáo thuần túy, nghĩa là chỉ chăm lo đời sống tôn giáo mà đã thực sự trở thành một bộ phận quan trọng trong xây dựng, phát triển đất nước trên tất cả các phương diện chính trị, tư tưởng, văn hóa – xã hội. Để có được những đóng góp quan trọng như vậy, Phật giáo Thời Trần đã xây dựng được một giáo hội phát triển toàn diện từ hệ thống tổ chức, Phật pháp, tự viện, đối tượng thờ cúng đến nghi lễ.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Nhìn từ tổ chức hệ thống giáo hội. Đó là việc thống nhất ba thiền phái Tì ni đa lưu chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường thành một Phật giáo nhất tông lập nên Phật giáo nhất tông (Phật giáo Trúc Lâm) với tổ chức giáo hội quy củ từ Trung ương đến tự viện làng xã. Với sự hình thành và kế thế của Tam Tổ (Phật Hoàng Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang), Giáo hội Phật giáo Trúc Lâm có người đứng đầu để duy trì tỏa rạng ngọn Đèn Thiền. Phật giáo Trúc Lâm có trụ sở Trung ương (chùa Vĩnh Nghiêm – Đức La – Bắc Giang) nơi có văn khố quản lý tàng tịch, nơi Tam Tổ thường lui tới bàn định công việc của Giáo hội; Có trường đại học Phật giáo đầu tiên (Viện Quỳnh Lâm đặt tại chùa Quỳnh Lâm, Quảng Ninh) đào tạo tăng tài để duy trì mạng mạch. Các tự viện lớn, tiêu biểu như tự viện Quỳnh Lâm không chỉ duy trì *thanh quy* theo Bách Trượng Hoài Hải mà còn lập nên một hệ thống quản lý, điều hành theo đặc thù của tự viện Phật giáo Việt Nam.

Nhìn từ Phật pháp. Một cách toát yếu, Phật pháp Thời Trần là sự kết hợp với tư tưởng tam giáo (Nho, Phật, Đạo). Đặc biệt là sự dung hợp giữa thiền pháp với tư tưởng Trúc Lâm được kiến tạo bởi hai Đại cư sĩ Trần Thái Tông, Tuệ Trung Th thượng Sĩ và ba vị Tổ (Tam tổ) của Phật giáo Trúc Lâm.

Nhìn từ tự viện, đối tượng thờ cúng và nghi lễ. Cho thấy ba nội dung trên đều bắt nguồn từ nền tảng tổ chức hệ thống giáo hội, đặc biệt là từ Phật pháp mà bài viết lần lượt đề cập. Nghĩa là nghiên cứu về tự viện, đối tượng thờ cúng và nghi lễ của Phật giáo Thời Trần phải được đặt trong chủ thể của nó. Nhưng đồng thời còn phải đặt trong điều kiện lịch sử cụ thể đó là chính sách cũng như đóng góp trực tiếp của Vương Triều Trần đối với Phật giáo thời kỳ này.

Nghiên cứu về tự viện, đối tượng thờ cúng và nghi lễ của Phật giáo Thời Trần còn là các phương pháp: phương pháp văn bản học khai thác từ các thư tịch như Đại Việt sử ký toàn thư, Thiền uyển tập anh, Văn khắc Hán Nôm (bi ký, chuông, khánh...), các trước tác của hai đại cư sĩ (Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ) của Trúc Lâm Tam tổ và một số trước tác của các quốc sư thời Trần. Tiếp theo là phương pháp nghiên cứu sử học để thấy được tiến trình phát triển của tự viện, đối tượng thờ cúng và nghi lễ. Phương pháp này chủ yếu dựa trên tư liệu khảo cổ học, kết hợp với khảo sát thực tế.

Kể từ tháng 7/2025 hầu hết địa danh có liên quan đến các nội dung nghiên cứu trên đã thay đổi. Trong điều kiện có thể, bài viết bước đầu cố gắng cập nhật địa danh mới. Song do các địa danh cũ đã trở nên quen thuộc với các nhà nghiên cứu và ban đọc nên bài viết vẫn sử dụng.

II. Tự viện Phật giáo thời Trần

2.1. Tự viện Phật giáo Thời Trần một cách nhìn toát yếu

Theo Nguyễn Lang: “Từ thời Lý, tự viện đã được phân ba loại: đại danh lam, trung danh lam và tiểu danh lam. Các chùa được chính phủ nhận vào ba phạm trù ấy đều được cấp ruộng đất. Đến đời Trần, chắc tục lệ này vẫn còn được duy trì, nhưng có lẽ chỉ được áp dụng trong những trường hợp của những tự viện thuộc môn phái Trúc Lâm. Điều này cũng là nguyên nhân thu hút nhiều tự viện và tăng sĩ vào môn phái Trúc Lâm. Tuy vậy, phong trào theo Phật giáo trong quần chúng đã lên mạnh, dân chúng tự động cất chùa cúng dường ruộng đất cho chùa để cung cấp lương thực cho tăng sĩ. Ta có thể nói rằng phần lớn các ngôi chùa nhỏ dựng lên khắp nơi ở các làng mạc đều là của quần chúng tạo dựng và nuôi dưỡng, không chính thức được triều đình công nhận và không

thuộc môn phái Trúc Lâm (Nguyễn Lang, 2012, tr 370).



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Khác với sự phân loại chùa Thời Lý, chùa Thời Trần, được Nguyễn Lang phân loại và phỏng định số lượng như sau:

- 1 - Chùa Quốc tự: 15 chùa
- 2 - Chùa do vương hầu và người giàu có tạo dựng: 330 chùa
- 3 - Chùa do quần chúng tạo dựng: 9.000 chùa.

Như vậy đời Trần ta có khoảng 9500 ngôi chùa (Nguyễn Lang, 2012, tr 372).

Sở dĩ Thời Trần có số lượng tự viện lớn mà chủ yếu là chùa làng (chùa do quần chúng tạo) nhiều như vậy là vì “Nhà Phật lấy họa phúc để cảm động lòng người, sao mà được người tin theo sâu bền như thế, trên từ vương công dưới đến dân thường, hễ bố thí vào việc nhà Phật, dù đến hết tiền của cũng không sển tiếc. Vì ngày nay gửi gắm vào tháp chùa thời trong lòng sung sướng như nắm được khoán ước để lấy sự báo ứng ngày sau. Cho nên trong từ kinh thành, ngoài đến châu phủ, cho tận thôn cùng, ngõ hẻm, không phải ra lệnh mà tuân theo, không bắt phải thế mà giữ đúng. Chỗ nào có người ở tất có chùa Phật, bỏ đi rồi lại dựng lên, nát đi rồi lại sửa lại, lâu đài chuông trống chiếm đến nửa phần so với dân cư”. Ấy là theo bài văn bia ở chùa Thiện Phúc ở Bái thôn, lộ Bắc Giang do Nho thần Lê Quát biên soạn (Đại Việt sử ký toàn thư trọn bộ, từ đây viết tắt là Toàn thư, 2012, tr 395 - 396).

Lê Quát trong sách Truyền kỳ mạn lục (chuyện cái chùa ở huyện Đông Triều) cũng cho biết về thực trạng tự viện Thời Trần: “Các chùa như Hoàng Giang, Đồng Cổ, An Sinh, Yên Tử, Phổ Minh, Ngọc Thanh,... dựng lên nhan nhản khắp nơi; những người xuống tóc làm tăng ni nhiều bằng nửa dân thường. Nhất là ở huyện Đông Triều, sự sùng thượng lại càng quá lắm: chùa chiền dựng lên, làng lớn có đến hơn mười chùa, làng nhỏ cũng chừng năm, sáu. Ngoài bao bằng lũy, trong tô vàng son”, (Nguyễn Lang, 2012, tr 307).

Nhìn từ cách phân chia tự viện thành ba loại của Nguyễn Lang cho thấy với loại hình tự viện Quốc tự, việc xây dựng là do kinh phí của triều đình, về công năng là nơi để nhà vua thực hành Phật sự vì các vua đầu Thời Trần đều quy y Phật pháp. Đó còn là nơi để nhà vua thực hành một số nghi thức có tính quốc sự như cầu đảo mỗi khi có thiên tai dịch bệnh, hoặc tổ chức các cuộc lễ lớn chẳng hạn như lễ Phật Đản.

Nếu như Thời Lý ngay sau khi dời đô ra Thăng Long **vua Lý Thái Tổ** đã cho dựng 8 ngôi chùa ở phủ Thiên Đức (Châu Cổ Pháp, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) quê hương của vua. Các đời vua tiếp theo như Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông đã xây cất hàng loạt chùa tháp, từ Thời Trần các vua thời kỳ đầu chưa có được việc làm như vậy. “Các vua đầu Thời Trần như Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông đều sùng Phật. Nhưng sử biên niên ít thấy ghi chép việc xây dựng chùa chiền... Những cuộc kháng chiến chống Nguyên trong suốt thế kỷ XIII đã không cho phép các vua Trần dồn của cải cho việc xây dựng chùa chiền (Hà Văn Tấn – Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long, từ đây viết tắt là Hà Văn Tấn, 2013, tr 25). Do vậy, thời kỳ của ba đời vua trên chủ yếu là duy trì, tôn tạo các ngôi chùa hiện diện từ Thời Lý như làm thêm một số công trình phụ cận, sửa chữa một số ngôi chùa bị hư hỏng do thiên tai. Theo Toàn thư: “Mùa hạ tháng 4 (1248) làm cầu Lâm Ba ở chùa Chân Giáo, qua hồ Ngoạn Thiên đến quán Thái Thanh cung Cảnh Linh rất lộng lẫy, (Toàn thư, 2012, tr 278). Kỷ Dậu năm thứ 18 (1249), mùa Xuân, tháng Giêng sửa lại chùa Diên Hựu (chùa Một Cột), xuống chiếu vẫn làm ở nền cũ. (Toàn thư, 2012, tr 279). Đặc biệt các năm như tháng Tám (1258) đỉnh tháp Báo Thiên gãy rơi xuống đất (Toàn thư, 2012, tr 286); Năm 1286, bia chùa Báo Thiên gãy làm đôi (Toàn thư, 2012, tr 311); Năm 1322, tháng 3 sét đánh đỉnh tháp Báo Thiên đều được triều đình tu sửa.

Quốc tự đầu tiên được Thượng hoàng Trần Thái Tông xây dựng là chùa Phổ Minh. “Năm 1262, mùa Xuân tháng Hai, Thượng hoàng ngự đến hành cung Tức Mặc, đổi hương Tức Mặc thành phủ Thiên Trường, cung gọi là Trùng Quang. Lại làm cung riêng cho vua nối đến chầu ở, gọi là cung Trùng Hoa. Lại làm chùa thờ Phật ở phía Tây cung Trùng Quang gọi là chùa Phổ Minh (Toàn thư, 2012, tr

288). Cũng thời Trần Thái Tông cùng với việc xây dựng hành cung Vũ Lâm trong chiến lược phòng thủ đất nước trước hiểm họa xâm lược của giặc Nguyên, tại đây, vua xây dựng chùa Khai Phúc có nghĩa là mở lòng đưa hạnh phúc tới cho mọi người. Theo sách: “*Thái vi quốc tế ngọc ký*” viết trong tập *Trần gia ngọc phả* lập năm Cảnh Thịnh thứ 5 (1667) lưu tại Bảo tàng Ninh Bình: “Phía trước Hành cung, Ngài (Vua Trần Thái Tông – NHD) cho xây dựng một nếp chùa khiêm tốn làm nơi tu tập và cũng là nơi để dân chúng lui tới chiêm bái Phật. Chùa ấy Ngài đặt tên là chùa Khai Phúc” [1].

Như vậy, dưới Thời Trần một số quốc tự gắn với Hành cung vì vậy có thể gọi đó là chùa Hành cung. Sự kết hợp này thuận tiện cho các vua Trần mỗi khi ngự giá về hành cung có nơi niệm Phật.

Trong kiến thiết, tôn tạo quốc tự Thời Trần ghi nhận vai trò hết sức quan trọng của Tam Tổ (Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang) Trúc Lâm. Trước hết là việc xây dựng cụm di tích Yên Tử cả ở phía Đông (Quảng Ninh) và ở phía Tây (Bắc Giang) sườn núi Yên Tử (sẽ được trình bày ở phần nội dung một số di tích chùa tháp tiêu biểu Thời Trần dưới đây). Trong Tam tổ thì Nhị tổ Pháp Loa có nhiều thành tựu trong kiến tạo tự viện. “Người có vai trò trong việc xây dựng chùa chiền bấy giờ là sư Pháp Loa... Có thể nói là ông đã huy động cả giới quý tộc Trần vào công việc này. Ông đã biến ngôi chùa Vĩnh Nghiêm (còn gọi là chùa Đức La...) thành trụ sở Trung ương của Giáo hội Trúc Lâm. Bản thân Pháp Loa, tính đến năm 1329 đã xây dựng mở mang hai khu chùa lớn là Báo Ân (Siêu Loại, tỉnh Bắc Giang) và Quỳnh Lâm (Đông Triều, Quảng Ninh). Riêng chùa Báo Ân, năm 1314, ông đã cho xây 33 cơ sở, gồm điện Phật, gác chứa kinh và tăng đường, ông còn xây dựng các am như Hồ Thiên, Chân Lạc, Yên Mã, Vĩnh Khê, Hạ Lai và mở rộng các khu chùa Thanh Mai và Côn Sơn (Hà Văn Tấn, 2013, tr 25).

Có thể đề cập thêm về chùa Báo Ân. Chùa được xây dựng thời Lý Thánh Tông, gắn với sự tích về người con gái ở hương Thổ Lỗi được vua Lý Thánh Tông tuyển vào cung, sau trở thành Linh Nhâm Hoàng Thái hậu. Năm 1068, hương Thổ Lỗi đổi thành hương Siêu Loại nên thường được gọi là chùa Báo Ân/ Siêu Loại. Chùa được trùng tu xây dựng lại với quy mô lớn vào thời Trần, với 36 nóc nhà, 99 gian, 2 lớp tam quan nội, ngoại. Chùa là nơi thờ Phật kiêm hành cung của các vua Nhà Trần, nên còn được gọi là Chùa Cả. Sách *Tam Tổ thực lục* ghi “vào năm Hưng Long thứ 21 (năm 1313), thiền sư Pháp Loa đã cho xây dựng lại chùa Báo Ân, tất cả phí tổn về vật liệu, thợ thuyền và tiền công đều do triều đình chu cấp. Vua Trần Anh Tông trực tiếp đến thiền viện thị sát 3 đến 4 lần và lệnh cho các bộ cho cấm binh đến khiêng gỗ đồ đất góp công sức xây dựng chùa”.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Tam Tổ thực lục còn cho biết “Vua Anh Tông đến nghe pháp nhân đó, phụng di chiếu của Điều Ngự, lấy những vật liệu của Tam Bảo tại cung Thánh Từ để trùng tu Báo Ân” (*Tam Tổ thực lục*, tr 24) [2].

Tiếp theo quốc tự là chùa do vương hầu và người giàu có tạo dựng. Tại Ninh Bình, ngoài cụm chùa, tháp quanh khu vực hành cung Vũ Lâm (sẽ được trình bày ở phần nội dung Một số cụm chùa, tháp tiêu biểu thời Trần dưới đây), còn ghi nhận vai trò của một số vương hầu, quý tộc, công chúa Thời Trần hưng công, tôn tạo, trùng tu. Công chúa Trần Huyền Từ và hoàng tử Ngự Câu Vương, trùng tu, mở mang chùa Dầu (Linh Nha tự) ngôi chùa vốn được xây dựng từ thời Lý. Hưng Nhượng Đại vương Trần Quốc Tảng trùng tu mở mang chùa Dầu Long (còn gọi là chùa Dầu).

Công chúa Trần Huyền Trân sau sự kiện vua Chiêm Thành là Chế Mân mất được Trần Khắc Chung đưa về nước đã xuống tóc đi tu lấy pháp danh là Hương Tràng. Ni sư Hương Tràng đã làm am ở làng Hồ Sơn để tu trì. Sau am phát triển thành chùa Hồ Sơn (Chùa Nộn Sơn/ Quảng Nghiêm tự (xã Liên Minh, huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định).

Về loại hình chùa này còn phải kể đến vai trò của một số cao tăng, chẳng hạn như Hòa thượng Trí Như là đệ tử đắc pháp của Đệ nhị Tổ Pháp Loa đã xây dựng chùa và tháp Linh Tế trên núi Non Nước (Thành phố Ninh Bình). Ấy là căn cứ vào *Bài ký trùng tu tháp Linh Tế ở núi Dục Thúy* do Trương Hán Siêu soạn năm Quý Mùi niên hiệu Thiên Phong thứ 3 (1243) [3]. Đáng kể là Đệ nhị tổ Pháp Loa đã tu sửa, xây mới nhiều công trình Phật giáo mà bài viết đã đề cập ở phần trên.

Thời Trần còn có một số tự viện được xây dựng ở ngoài hải đảo và miền núi phía Bắc. Ở hải đảo có thể kể đến như khu di tích chùa Lắm trên đảo Thừa Cống tỉnh Quảng Ninh. Ở miền núi phía Bắc như chùa Trùng Khánh (thôn Làng Nùng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, Hà Giang), chùa Sùng Phúc (xã Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, Cao Bằng)...

2.2. Một số cụm di tích Phật giáo tiêu biểu Thời Trần

Là đỉnh cao của Phật giáo thời kỳ phong kiến, nhìn từ chùa tháp, Thời Trần hình thành nên nhiều cụm di tích, với bắt đầu bằng *cụm di tích Phật giáo Yên Tử* (cả phía Đông và phía Tây Yên Tử). Đây là hợp thành một quần thể chùa tháp giữ vai trò vừa là nơi phát tích Phật giáo Trúc Lâm, vừa là trung tâm của Phật giáo Trúc Lâm với nhiều công năng. Trước hết là cụm chùa tháp phía Đông Yên Tử, Yên Tử (Đông Triều, Quảng Ninh) được xem là *non thiêng*. Tương truyền Yên Kỳ Sinh tu luyện ở nơi đây nên đặt tên cho núi. Theo *Đại Nam Nhất Thống chí* “Vua Trần Nhân tông nhà Trần có dựng am Tứ Tiên còn gọi là am Ngọa Vân, viện Thạch Thất My Ngữ. Từ ngọn núi đi thẳng đến chùa Giải Oan... gần đấy có ba ngôi am. Am ở giữa rất cao rộng, là am để xá lỵ vua Trần Anh Tông. Hai am phía tả và phía hữu là chỗ ở của Pháp Loa và Huyền Quang. Lại có chùa Hoa Yên hai bên tả, hữu, chùa này có viện Phù Đổng, gác chuông, lầu trống, nhà dưỡng tăng và nhà tiếp khách” [4]. Cuốn: *Trúc Lâm Yên Tử, Phật giáo từng thư* cho biết một số tự viện được xây dựng dưới Thời Trần ở Yên Tử như chùa Trình (Bí Thượng vì chùa tọa lạc ở làng Bí Thượng phường Phường Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh). Chùa Cẩm Thực, tọa lạc trên đỉnh núi tròn ở về phía trái lộ trình vào Yên Tử. Chùa Long Động (chùa Lân), đây là ngôi chùa có vị trí quan trọng trong hệ thống chùa tháp Phật giáo Trúc Lâm, Yên Tử. Là nơi giảng đạo, độ tăng. Trong dân gian có câu: Ngõ chùa Lân (to), sân chùa Muống (rộng), ruộng chùa Quỳnh (nhiều) [5].

Tuy hơi xa Yên Tử một chút, nhưng có ngôi già lam cần thiết phải đề cập, đó là chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều). Chùa được xây dựng dưới triều vua Lý Anh Tông (1116 - 1138). Người có công lớn trong việc tạo dựng là Quốc sư Nguyễn Minh Không (1076 - 1141), sư đúc tượng Di Lặc bằng đồng cao sáu trượng (20m), từng được coi là *An Nam tứ đại khí* (tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền, Vạc Phổ Minh, tượng Phật Quỳnh Lâm). Chùa thực sự trở thành một trung tâm Phật giáo quan trọng của Phật giáo Trúc Lâm với sự hiện diện của Nhị tổ Trúc Lâm - Pháp Loa. Ông là người mở mang tu bổ chùa Quỳnh Lâm. Riêng năm 1314, Pháp Loa thành lập Quỳnh Lâm Viện (được xem là trường Đại học Phật giáo đầu tiên ở nước ta). Cùng với chùa Hoa Yên Tử ở Yên Tử, chùa Báo Ân ở Siêu Loại (Bắc Ninh), chùa Thanh Mai (Hải Dương), chùa Quỳnh Lâm là một trong những trung

tâm Phật giáo Trúc Lâm, trở thành đệ nhất danh lam cổ tích nước Nam.

Cùng với cụm di tích sườn phía Đông Yên Tử là vòm di tích chùa tháp sườn phía Tây Yên Tử (thuộc tỉnh Bắc Giang) bao gồm *Chùa Hội*, còn gọi là *Phật Quang Thiên tự* tọa lạc ở huyện Sơn Động. Đây là một quần thể với nhiều cơ sở, nổi bật là tháp chuông Hoa Nghiêm. Ngoài ra còn là *Chùa Sơn Tháp* và *Chùa Mã Yên*, cả hai đều là danh lam cổ thuộc sườn Tây Yên Tử. Đó còn là *chùa Am Vãi* (thị xã Chũ), khu di tích Đồng Thông (Sơn Động), khu di tích chùa Khe Gỗ, Thiền viện Trúc Lâm Phượng Hoàng (xã Nham Sơn).

Một trong “điểm nhấn” của chùa tháp sườn Tây Yên Tử phải kể đến đó là *chùa Vĩnh Nghiêm*. Chùa còn được gọi là chùa Đức La vì chùa tọa lạc ở làng này (thuộc xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, Bắc Giang). Chùa Vĩnh Nghiêm là một trong những trung tâm phát triển Trúc Lâm. Ba vị tổ của Phật giáo Trúc Lâm (Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang) trước khi đến Yên Tử đều đến chùa Vĩnh Nghiêm. Tương truyền, chùa có từ thời Lý Thái Tổ (1010 - 1028). Thời vua Trần Thái tông (1258 - 1278) có các vị cao tăng trụ trì và tu tạo chùa cảnh nguy nga tráng lệ. Vua Trần Nhân Tông từ khi từ bỏ ngai vàng xuất gia đã đến chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Ngọa Vân (Yên Tử) thụ giới. Hai đệ tử của vua là Pháp Loa và Huyền Quang kế thế, tiếp tục xiển dương Phật giáo.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Cụm chùa tháp Thời Trần tiếp theo phải kể đến là cụm chùa tháp ở tỉnh Ninh Bình, cụ thể hơn là *cụm chùa tháp quanh hành cung Vũ Lâm*. Theo kết quả nghiên cứu, hành cung Vũ Lâm bao gồm một vùng trải rộng trên địa bàn các xã Ninh Hải, Ninh Thắng, Ninh Xuân và Ninh Vân. Sự kiện bắt đầu với việc vua Trần

Thái tông (1225 - 1258) cho xây dựng hành cung Vũ Lâm để phòng thủ đất nước từ sớm, từ xa trước âm mưu xâm lược của giặc Nguyên - Mông. Tại hành cung Vũ Lâm vua Trần Thái Tông đã cho xây dựng chùa *Khai Phúc*, mở đầu cho việc hàng loạt tự viện được xây dựng tiếp theo mà nhiều tự viện còn tồn tại đến ngày nay như chùa Khả Lương xã Ninh Thắng huyện Hoa Lư, chùa Linh Cốc tọa lạc trong núi Móc xã Ninh Hải huyện Hoa Lư. Theo sách *Thái vi quốc tế ngọc ký*, khi ở hành cung Vũ Lâm vua Trần Thái Tông đi thị sát một số nơi, đến núi Sệu thấy phong cảnh đẹp, liền cho xây dựng chùa và đặt tên là chùa A Nậu.

Trong thời gian tu hành 5 năm (1295 - 1299) ở hành cung Vũ Lâm vua Trần Nhân Tông đã cho xây dựng và mở mang nhiều chùa tháp ở Ninh Bình.

Các triều vua tiếp theo: **Trần Anh Tông**, Trần Minh Tông, Trần Dụ Tông, Trần Duệ Tông hoặc trực tiếp kiến thiết chùa tháp hoặc ngoại hộ xây dựng mở mang, trùng kiến một số chùa tháp. Dưới thời vua Trần Minh Tông một số chùa tháp ở Ninh Bình được xây dựng như tháp Linh Tế ở núi Non Nước, tháp Hiển Diệu chùa Kim Cương ở núi Tiên Long do thiền sư Trí Nhu xây dựng.

Một số chùa tháp Ninh Bình Thời Trần còn có vai trò của một số vương hầu, quý tộc hưng công tôn tạo trùng tu. Công chúa Trần Huyền Từ và hoàng tử Ngự Câu Vương trùng tu mở mang chùa Dầu (Linh Nha Tự).

Chùa tháp Phổ Minh (Nam Định) tuy không phải cụm di tích với nhiều tự viện như Yên Tử hay hành cung Vũ Lâm (Ninh Bình) nhưng đây là một trong những đại danh lam Thời Trần. Theo *Toàn thư*, chùa được xây dựng vào năm 1262 dưới thời vua Trần Thánh Tông ở phía Tây cung Trùng Quang (*Toàn thư*, 2012, tr 289). Bên cạnh chùa là tháp - tháp Phổ Minh dựng năm 1305. Tháp cao khoảng 20m, gồm 14 tầng. Nền tháp là tầng thứ nhất xây bằng đá, những tầng còn lại xây bằng gạch. Mỗi tầng trở 4 cửa vòm cuốn, giữa các tầng là gờ mái.

III - Đối tượng thờ cúng Phật giáo thời Trần

3.1. Bình đồ tự viện

Để cập đến đối tượng thờ cúng tất yếu phải đề cập đến bình đồ, tức mặt bằng, khoảng không mà ở các đối tượng thờ cúng được thiết trí (xếp đặt). Những dấu tích chùa Phật giáo Thời Trần còn lại, đặc biệt là tư liệu khảo cổ học cho thấy một cách đại thể bình đồ tự viện Thời Trần thường là: tam quan, qua tam quan đến sân chùa, tiếp đến là thượng điện/ Đại hùng bảo điện/ Tam bảo điện. Một số chùa lớn có thể có đông lang, tây lang, chùa nào cũng có tầng phòng làm nơi ở của tăng sĩ, nhà bếp, nhà kho...

Trong cuốn *Chùa Việt Nam*, Hà Văn Tấn cho biết nhiều tư liệu về kiến trúc, cấu trúc, bình đồ một số chùa Thời Trần còn tồn tại đến ngày nay. Đó là vì nóc nhà thượng điện chùa Dâu (huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), vì nóc tòa thượng điện cùng những bức cuốn chùa Thái Lạc (chùa Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên) và nhà thượng điện chùa Bối Khê (huyện Thanh Oai, Hà Nội).

Kết cấu các nhà thượng điện này giống nhau, có một gian hai chái với bốn cột cái khá lớn và mười hai cột quân. Có hai bộ vì đỡ hai mái chính và hai mái bên. Bộ vì đều làm theo kiểu giá chiêng, gồm một câu đầu khoe tì chịu lực lên hai đầu hai cột cái. Bên trên câu đầu là hai trụ giá chiêng, tức hai trụ trốn, thường được chạm khắc đẹp. Ở chùa Thái Lạc, các trụ trốn này được chạm thành hình các em bé quỳ gối nâng tòa sen. Hai trụ trốn này đội một rường hơi cong gọi là rường bụng lợn hay con cung. Lồng giữa hai trụ giá chiêng là tấm ván hình lá đề.

Có người cho rằng những nhà thượng điện nói trên chính là nếp nhà Thời Trần, có bốn mái với bộ khung bằng gỗ mà các cột là thành phần chịu lực. Chưa thấy dấu vết tường chịu lực. Chùa Thời Trần có mái lợp ngói mũi hài mà không, hoặc hiếm lợp ngói ống. Xung quanh các chùa Thời Trần, có thể có tường xây bao, trên lợp ngói mũi hài giống như vòng tường hiên còn quanh tháp Huệ Quang, Yên Tử.

Tuy nhiên các ngôi chùa Thời Trần có thể là một cụm kiến trúc phức tạp hơn.

Một ngôi chùa khác cho thấy mặt bằng của một ngôi chùa đó là chùa Lãm trên đảo Thừa Cống thuộc tỉnh Quảng Ninh, trong vịnh Bái Tử Long.

Chùa Lãm có hai mặt bằng kiến trúc, chênh nhau gần 4 mét về độ cao. Ở mặt bằng thứ nhất có tam quan và nhà tổ. Nền tam quan rộng 5m, dài 11m, quanh nền kê đá. Mặt nền còn đầy những mảnh ngói mũi hài nhỏ, dấu vết còn lại của kiến trúc bên trên. Nhà Tổ dài 54m, ước có 15 gian, nền cũng được kê đá. Từ tam quan theo con đường đá dài 55m thì đến chân bậc cấp lên chùa. Bậc cấp lên chùa xếp bằng các viên đá ngay ngắn. Đi hết 34 bậc ta đến sân chùa bắt đầu bước vào mặt bằng kiến trúc thứ hai. Sân chùa rộng, không lát gạch nhưng bằng phẳng, sâu vào 15,8m. Hai bên sân chùa có hai tháp đã đổ, chỉ còn nền vuông, có móng kê đá, mỗi cạnh dài 3,6m. Trên nền ngọn tháp phía Đông, còn có rất nhiều viên gạch trang trí rồng phượng và hoa lá. Cửa ngọn tháp này trông về hướng Nam với những bậc cấp còn khá nguyên vẹn. Ngay dưới chân tháp phía Đông Nam sân chùa có một nền hình vuông, mỗi cạnh 3,9m. Có thể đó là dấu vết nhà bia, vì ở sân chùa còn thấy con rùa đá đội bia vỡ làm 8 mảnh. Không tìm thấy bia.

Qua sân là tới chùa Hộ tức nhà tiền đường, dài 31m, rộng 8m. Nền chùa cao hơn sân 0,5m cũng được kê đá xung quanh. Từ dưới sân bước lên hiên chùa, phải qua bậc tam cấp xếp đá rộng 1,2m, hai bên có hai tay vịn bằng đá chạm rồng nổi. Cả hai cột rồng này đều bị vỡ mất đầu. Chùa Hộ còn có hai cửa xếp hai bên lòng cửa rộng 2m. Lên cửa xếp cũng qua tam cấp lát đá có tay vịn hai bên. Nhưng ở đây tay vịn chạm hình con sóc đuôi dài. Cả bốn con sóc đều chung một phong cách thời Trần, đơn sơ, mộc mạc. Trên nền chùa Hộ, chỉ còn có hai hòn đá tảng kê chân cột hình vuông, cạnh dài 0,5m. Nhờ những hòn đá tảng này có thể biết mỗi gian chùa Hộ rộng 2,5m, và như vậy, nếp nhà này có cả thảy 9 gian.

Từ chùa Hộ sang ngôi nhà giữa mà những người khảo sát gọi là chùa Phật, phải qua một con đường rộng 4m, hai bên có lan can đá chạm nhưng nay đã bị đổ.

Chùa Phật chỉ mở một cửa hướng Nam, nằm trên trục thẳng với cửa chùa Hộ. Hai bên cửa cũng có hai tay vịn bằng đá chạm rồng. Nền chùa Phật cao hơn nền ngôi nhà phía sau đó. Nền chùa Phật gần hình vuông, dài 12m, rộng 11,5m. Cả 4 mặt nền được kê đá thành hai cấp. Một đường hiên quanh bốn mặt rộng 0,5m và thấp hơn 0,3m tạo thành cấp thứ nhất của nền chùa. Cấp thứ hai cũng được kê đá cẩn thận cả bốn mặt. Trên nền chùa Phật còn có 11 hòn đá kê cột (lẽ ra là 16 hòn nhưng mất 1 hòn ở hàng giữa và 4 hòn ở hàng ngoài phía trước). Bốn hòn ở giữa lớn hơn cả. Hòn lớn nhất có cạnh dài 0,8m, các hòn khác nhỏ hơn chút ít.

Nếp nhà cuối cùng được những người khảo sát gọi là nhà thượng điện, tựa lưng vào vách núi. Nền nhà dài 2,6m, có hai cửa lớn ở hai đầu. Mỗi cửa rộng 4m, có 4 bậc. Phía trước là hàng hiên dài suốt nền chùa rộng tới 3m.

Cách phía Đông Bắc khu chùa vài chục mét, có một nếp nhà bếp nhỏ với ba gian, xung quanh có kê đá. Cạnh đó là một bể nước ngọt hình chữ nhật rộng 10m, dài 31m. Cả bốn mặt bể đều được kê đá vững chãi.

Tuy ngôi chùa không còn hiện diện, nhưng dấu tích còn lại cho thấy bình đồ như sau: Sau tam quan là một ngôi chùa với ba nếp nhà xây theo kiểu chữ tam (𠂇). Trong ba nếp nhà này thì nếp nhà giữa là nhà thượng điện hay nhà chính điện. Ngôi nhà này có nền hình vuông, với 4 cột cái, 12 cột quân, ở giữa có bệ đá hoa sen khiến liên tưởng tới nhà thượng điện chùa Bối Khê. Nền của ngôi chùa này cũng được đắp cao hơn hai nếp nhà kia như ở nhà thượng điện chùa Bối Khê. Vì vậy hoàn toàn có căn cứ để nghĩ rằng, nếu các kết cấu gỗ còn thì ta sẽ gặp ở đây một kiến trúc tương tự nhà thượng điện chùa Bối Khê hay chùa Dâu.

Như vậy chùa thời Trần không chỉ vồn vẹn một nếp nhà vuông mà là một cụm kiến trúc gồm nhiều ngôi nhà. Trước và sau chính điện là kiến trúc trung tâm, có thể còn có tiền đường, hậu đường với những ngôi nhà khác. Ở chùa Lãm ngôi chính điện có thể được lợp ngói lưu ly phủ men xanh, nói lên vị trí đặc biệt của nó so với những ngôi chùa khác chỉ được lợp ngói mũi hài.

Ngoài bình đồ chữ tam, chùa Thời Trần có hình chữ công (Hà Văn Tấn, 2013, tr 27 - 29).

Trên đây là bình đồ chùa thời Trần được Hà Văn Tấn rút ra qua tư liệu khảo cổ học và một số chùa Thời Trần hiện tồn dù theo thời gian các chùa đó có những biến đổi bởi các đợt trùng tu. Song những chùa đó đều là những chùa có quy mô lớn. Và do vậy, theo chúng có lẽ không thật đại diện cho phần đông chùa Thời Trần. Đó là bởi để xây dựng được những tự viện như thế phải có nguồn kinh phí rất lớn. Trong khi đó chùa Thời Trần chủ yếu là chùa làng, mà Nguyễn Lang gọi là chùa do quần chúng xây dựng (Nguyễn Lang, 2012, tr 272). Song đáng tiếc loại hình chùa này đã không còn hiện diện dù là dưới dạng phế tích. Vậy bình đồ của đại đa số chùa Thời Trần, chùa do quần chúng xây dựng bình đồ như thế nào. Căn cứ vào loại hình chùa làng có tuổi đời 100 - 200 năm trở lại, có lẽ bình đồ của đại đa số chùa Thời Trần có dạng hình chữ đinh mà dân gian gọi là hình chuôi vồ. Bình đồ có ba khoảng rõ rệt, gồm thượng điện, nơi thiết trí đối tượng thờ cúng, tiếp theo là thiêu hương nơi dành cho tăng sĩ công phu thời khóa và giảng pháp, cuối cùng là tiền đường nơi dành cho tín đồ đến chiêm bái lễ Phật và nghe tăng sĩ giảng pháp.

3.2. Tượng và bài trí tượng thời Trần

Nếu như “hình hài” cũng như bình đồ chùa Thời Trần có thể được “dựng” lại nhờ khảo cổ học hoặc những di tích hiện tồn dù là ít ỏi thì tượng và bài trí tượng Thời Trần đã không có được những may mắn như thế. Hiện tại chỉ còn lại một số di vật chẳng hạn như bệ đá hoa sen thấy được ở chùa Bối Khê (chùa Đại Bi), Thanh Oai, Hà Nội, chùa Dầu (Linh Nha tự) ở Ninh Bình để rồi qua đó có thể “dựng” lại tượng thờ trên đó. Tuy nhiên, không vì vậy mà không thể nhận diện dù là phần nào tượng và bài trí tượng Thời Trần.

Đệ nhị Tổ Pháp Loa đã đúc nhiều tượng và làm lễ hội nghìn Phật ở chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh) trong 7 ngày 7 đêm, nhưng không rõ đó là tượng gì. Chỉ biết Pháp Loa đã đúc tượng Di Lặc. Tất nhiên theo đó phải là tượng A Di Đà với tượng Thích Ca (bộ Tam Thế Phật). Văn bia chùa Đại Bi núi Văn Lỗi do Phạm Sư Mạnh (thế kỷ XIV) soạn nhắc đến tượng Tam Thế và việc đúc một pho tượng Đại Bi (tức tượng Quan Âm) bằng vàng. Văn bia tháp Viên Thông cũng như *Tam Tổ*

thực lục nói đến việc đúc tượng Thiên Thủ Đại Bi, tức tượng Quan Âm nghìn mắt, nghìn tay. Đây là lần đầu tiên tài liệu Phật giáo Việt Nam nhắc đến loại tượng này. Loại tượng này xuất hiện dưới ảnh hưởng của Mật giáo. Bởi Phật giáo Thời Trần trong thời kỳ Pháp Loa đã phát triển các yếu tố Mật giáo.

Các chùa Thời Trần cũng có tượng Kim Cương và Hộ Pháp. Trên các mô hình tháp đất nung phủ men chùa Chò và Bát Tràng (quận Long Biên, Hà Nội), ở 4 cửa tầng dưới mỗi cửa đều có hai tượng Kim Cương đứng gác. Văn bia chùa Thiệu Long (1226) nói đến tượng “Thần Thiện chống kiếm cầm qua đứng trước mặt Phật”. Chùa Thiệu Long có tượng Tiên nữ (Apsara) và tượng Mĩ Âm (Madhurasvara). Trong khi ở các chùa khác, tiên nữ và nhạc công chỉ có trên các phù điêu trang trí. Văn bia chùa Thiệu Long cũng có câu “Tôn giả mày to, tóc bạc được vẽ lên vách như người sống”.

Chùa Thời Trần còn có tượng Trúc Lâm Đệ nhất tổ (tức Trần Nhân Tông) do vua Trần Anh Tông đúc hai tượng bằng vàng, một để ở chùa Báo Ân và một ở chùa Vân Yên. Tháp Huệ Quang trên núi Yên Tử (Quảng Ninh) hiện nay vẫn còn pho tượng Trần Nhân Tông bằng đá. Về niên đại vẫn còn tranh luận thuộc Thời Trần hay Thời Lê. Một số chùa Thời Trần còn có tượng các nhà sư hay tượng thí chủ có công xây dựng chùa, chẳng hạn như ở chùa Dầu, xã Đình Xá (Hà Nam) trên tấm bia có niên hiệu Đại Trị (1358 - 1369).

Sau khi trưng dẫn một loạt tư liệu và tượng Phật trong chùa Thời Trần (đã đề cập ở trên), Hà Văn Tấn cho rằng “có lẽ thời Trần, cũng như thời Lý chưa có một cách xếp đặt thống nhất các tượng thờ trong chùa. Tuy nhiên có thể nghĩ rằng, bàn thờ Phật Thời Trần đã có một số tượng đồng đúc hơn, đa dạng hơn thời Lý” (Hà Văn Tấn, 2013, tr 28 - 31).

Cạnh ngôi chùa Thời Trần có thể có am hoặc miếu thờ tượng của Đạo Giáo, chẳng hạn như ở chùa Bối Khê - Đại Bi đầu thế kỷ XIV có thêm một am thờ đức Thánh Bối bên cạnh chùa [6].

IV - Nghi lễ Phật giáo thời Trần

Đề cập đến nghi lễ Phật giáo dù là nghi lễ Phật giáo của bất kỳ thời đại nào cũng cần thiết phải đi vào hai khía cạnh: Nghi lễ trong Phật giáo và nghi lễ chịu ảnh hưởng của Phật giáo. Nghi lễ trong hay của Phật giáo là tương đối rõ. Nghi lễ chịu ảnh hưởng của Phật giáo được hiểu như thế nào. Hiện vẫn còn những ý kiến khác nhau. Theo chúng tôi có thể hiểu đó là sự kế hợp giữa nghi lễ Phật giáo với một số nghi lễ, nghi tục thuộc văn hóa truyền thống của dân tộc.

4.1. Nghi lễ trong Phật giáo

Phát triển đến đỉnh cao của Phật giáo thời kỳ phong kiến, là Phật giáo nhất tông - Phật giáo Trúc Lâm, với tổ chức thống nhất được điều hành bởi Trung ương nên có thể nói nghi lễ Phật giáo Thời Trần được thực hiện hết sức quy củ. Trước hết là việc duy trì các nghi thức, nghi lễ truyền thống như nghi lễ xuất gia, an cư kiết hạ, tụng kinh, truyền pháp.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Thống nhất ba thiền phái (Tì ni đa lưu chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường) thành *Giáo hội Phật giáo Trúc Lâm*. Kinh sách, nghi thức, nghi lễ của Phật giáo Trúc Lâm chủ đạo vẫn là Thiền tông.

Thiền tông khởi phát và truyền thừa tại Ấn Độ với bắt đầu từ Sơ Tổ Maha Ca Diếp đến Bồ Đề Đạt Ma (470 - 543) là Tổ thứ 28. Sau đó Bồ Đề Đạt Ma truyền thừa sang Trung Hoa và trở thành Sơ Tổ của Thiền Phật giáo Trung Hoa. Phật giáo Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu đậm của Thiền Phật giáo Trung Hoa, cụ thể hơn là thiền phương Nam của Lục Tổ Huệ Năng (638 - 713). Phát triển ở Trung Hoa, theo thời gian, Thiền Tông phân rẽ thành 5 nhánh (Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Quy Ngưỡng, Pháp Nhãn). Tuy nhiên chỉ có Lâm Tế và Tào Động là truyền thừa vào Việt Nam. Song dưới Thời Trần Tào Động chưa hiện diện.

Thiền Phật giáo Trúc Lâm gồm thiền học/ thiền giáo và thiền hành. Về thiền hành phương pháp chung là thực tập thiền truyền thống: chỉ pháp. Theo đó còn là phương pháp riêng như: công án, tham thoại đầu, nội quán. Phương pháp truyền thừa “Dĩ tâm truyền tâm”, dùng tâm truyền tâm, truyền kệ. Về phương

diện giải thoát luận hay mục đích gồm: Ngộ - thấy tính; Chứng - chứng tính. Nhấn mạnh tinh thần “tự lực”, “độc lập”.

Thiền học/ Thiền giáo đi sâu vào hai bộ kinh: Kinh Lăng già và kinh Kim Cương với hai thuyết lý chính: Thật tướng vô tướng; Không tính; Vạn pháp quy tâm: Muôn pháp do tâm [7].

Cùng với việc thực hành duy trì các nghi thức, nghi lễ truyền thống, thực hành theo pháp môn Thiền Lâm Tế, Phật giáo Thời Trần còn có một số nghi thức, nghi lễ mang tính đặc thù. Trước hết phải kể đến nghi thức sám hối. Nghi thức này bắt nguồn từ tác phẩm *Lục thời sám hối khoa nghi* của Trần Thái Tông vị vua đầu tiên của Nhà Trần và cũng là Đại cư sĩ. Trần Thái Tông và Đại cư sĩ Tuệ Trung Thượng Sĩ là hai Đại cư sĩ có vai trò và ảnh hưởng rất lớn đến Thiền Phật giáo Trúc Lâm đặc biệt là đến Sơ Tổ Trúc Lâm – Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Sách đề cập đến nghi thức sám hối chia làm 6 phần, mỗi phần dành cho một thời gian. Mỗi lần thực hành một khoa nghi khoảng 20 phút. Sám hối là để gạt lọc, thức tỉnh, tu tâm. Đó là hình thức tu trì của Phật tử xuất gia và tại gia. Ban đầu Trần Thái Tông lập ra để dành riêng cho cá nhân, sau được phổ cập rộng rãi. Ở đó có kệ dâng hương, kệ dâng hoa, ngoài ra còn có các bài kệ của một số thời trong sáu thời, như kệ Cảnh sách giờ Dần, lễ chúc hương buổi sớm. Về vấn đề này Nguyễn Lang nhận xét: “Mỗi nghi thức bắt đầu từ bài kệ Cảnh sách, rồi đến lễ dâng hương, một bài kệ dâng hương, một bài trầm bạch có tác dụng Cảnh sách, một lời sám hối, một bài kệ khuyên tỉnh, một bài kệ tùy hỷ, một bài kệ hồi hướng, một bài kệ phát nguyện và cuối cùng là một bài kệ vô thường (Nguyễn Lang, 2012, tr 90).

Một loại hình nghi lễ tiếp theo dưới Thời Trần của Phật giáo cần thiết phải kể đến đó là *Nghi lễ truyền pháp cho Pháp Loa*, vị Tổ thứ hai của Phật giáo Trúc Lâm. Sự hiện diện của Điều Ngự (Trần Nhân Tông), vua Trần Anh Tông trong pháp hội, những nghi thức được tiến hành mà *Tam Tổ thực lục* ghi cho thấy không chỉ tính đặc thù của Pháp hội mà ở đó còn toát lên tính dân tộc của nghi lễ Phật giáo đương thời. Nhị Tổ Pháp Loa ngoài việc chú giải kinh điển, sáng tác nhiều sách giáo khoa Phật học còn biên tập nhiều nghi thức. Đáng kể là tác phẩm *Phật sử khoa vấn* về các nghi thức và sơ điệp dùng trong những lễ lượt Phật giáo (Nguyễn Lang, 2012, tr 229 - 230).

Vị Tổ thứ ba của Phật giáo Trúc Lâm - Huyền Quang, về nghi lễ có cuốn *Công văn tập*, tuyển tập các bài văn sơ điệp trong các nghi lễ Phật giáo.

Phật giáo thời Trần tiếp tục duy trì nghi lễ Phật Đản với nghi thức quốc lễ, chủ sự thường là nhà vua.

Giáo hội **Phật giáo Trúc Lâm** một cái nhìn xuyên suốt là thiền tông - tông Lâm Tế với thiền học và thiền hành như trên đề cập. Song Phật giáo Trúc Lâm còn có sự khế hợp với Nho giáo, Đạo giáo theo quan niệm Tam giáo đồng nguyên, Tam giáo đồng tôn hay Tam giáo đồng hành. Chẳng những thế còn là sự khế hợp với pháp môn Tịnh độ đặc biệt là *Mật giáo*. “Phật giáo đầu đời Trần đã không bị ảnh hưởng của Mật giáo nhiều như đời Lý. Nhưng bắt đầu từ đời Trần Anh Tông và Pháp Loa ảnh hưởng này trở thành nặng nề trở lại. Năm 1318 vua Anh Tông xuống chiếu đi tìm vị tăng sĩ Ấn Độ tên là Ban Đề Đa Ô Sa Thất Lợi về dịch một cuốn kinh Mật giáo tên là *Bạch tán thần chú kinh*. Pháp Loa để rất nhiều thì giờ vào việc trì chú. Tam Tổ thực lục cho biết sư thường ngày đêm trì chú lễ Phật. Ông cũng phân tích và chú thích một kinh văn có khuynh hướng Mật giáo gọi là *Kim Cương trường Đà la ni khoa chú*. Năm 1311, có một tăng sĩ Ấn Độ tên là *Du Chi Ba Lam* tới, xưng là 300 tuổi theo Mật giáo, có thể ngồi xếp bằng nổi trên mặt nước. Vị tăng này có một cô con gái tên là Đa La Thanh, được vua Anh Tông tuyển vào làm cung phi. Vào thời vua Minh Tông cũng có một vị tăng Mật giáo Ấn Độ tên là Bồ Đề Thất Lý sang cũng có thể nổi trên mặt nước. Vua Anh Tông có vẻ ưa chuộng Mật giáo. Vua được Pháp Loa làm lễ quán đỉnh năm 1320 trước khi băng. Nhiều người khác như Văn Huệ Vương và Lý Huệ Vương cũng đã xin nhận lễ quán đỉnh, một nghi thức của Mật giáo, (Nguyễn Lang, 2012, tr 256). Về yếu tố Đạo giáo có thể thấy mỗi khi có thiên tai hạn hán, lũ lụt, một số vua Trần ban lệnh cho rước Phật Pháp Vân về kinh thành để làm lễ cầu đảo.

Trong nghi lễ Phật giáo Thời Trần có một sự kiện đó là Trần Nhân Tông từng đến các vùng thôn quê nơi mà ở đó nhiều tập tục dị đoan chi phối đời sống tinh thần của người dân để khuyên nhủ dân bỏ tà tín, cải hóa họ theo con đường chính tín của Phật pháp. Đó còn là tư tưởng *Hòa Quang đồng trần* (đem ánh sáng Phật pháp chiếu rọi vào nơi trần thế bụi bặm) của Tuệ Trung Thượng Sĩ; là tư tưởng *Cư trần lạc đạo* (sống ở đời vui ở đạo) của Phật Hoàng Trần Nhân Tông). Các vua đầu Thời Trần tinh thông Phật điển, nghiêm trì chính pháp. Vua Minh Tông một vị vua có lòng nhân hậu, nổi nghiệp thái bình (Toàn thư, 2013, tr 383). Khi vua ốm nặng, các đại thần định làm chay đã bị vua quở trách. “Hiền Từ Thái Hậu phóng sinh các giống súc vật để cho Minh Tông khỏe lại. Minh Tông nói: “Thân của ta không thể lấy con lợn, con dê mà đổi được” (Toàn thư, 2013, tr 382).

4.2. Nghi lễ ảnh hưởng của Phật giáo

Nguyễn Lang trong *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tr 372 phỏng định con số chùa Thời Trần như sau:

1 - Chùa Quốc tự: 15 chùa;

2 - Chùa do vương hầu và người giàu có tạo dựng: 330 chùa;

3 - Chùa do quần chúng tạo dựng: 9.000 chùa.

Chùa do quần chúng tạo dựng nên được hiểu đó là chùa làng. Chùa làng ngoài thực hành các nghi thức nghi lễ có tính quan phương được quy định bởi Giáo hội Trúc Lâm còn là những nghi lễ mà những nghi lễ đó có sự khế hợp với một số nghi lễ, nghi tục dân gian. Đó trước hết là những nghi lễ liên quan đến vòng đời người. Khi sinh nở, khi ốm đau bệnh tật người dân vẫn thường đến chùa cầu Đức Phật gia hộ, cầu cho gặp thầy, gặp thuốc để sớm khỏi bệnh tật. Nổi bật nhất là cầu an vào dịp đầu xuân. Đây cũng là dịp nhiều chùa tổ chức lễ mừng thọ cho người cao niên. Với người qua đời là lễ cầu siêu để vong linh siêu thoát về nơi tịnh độ dưới sự trụ trì của nhà sư. Đặc biệt vào dịp tháng Bảy Âm lịch, tháng theo quan niệm dân gian là tháng cô hồn. Các chùa đều có các cuộc lễ để tín đồ - người dân đến đó thực hành cầu siêu, thí thực cho các cô hồn không nơi thờ cúng.

Quan niệm dân gian “chùa là bùa của làng”, khi cộng đồng gặp tai ương bệnh dịch, nhà sư thường tổ chức đàn chay cúng lễ, sám hối cầu cho tai ương dịch bệnh sớm qua để cộng đồng được bình an trở lại. Đó là bởi chùa nào cũng quán triệt phương châm *Cầu cho quốc thái dân an*. Bởi Phật giáo Việt Nam luôn gắn đạo với đời. Dưới Thời Trần đó là phương châm *Nhập thế tích cực*.

Nếu như quốc tự/ chùa vua, quan tự gắn với quốc sự thì chùa làng (thôn tự) gắn bó trực tiếp với cộng đồng làng. Gọi là chùa làng vì dân làng cùng chung tay xây dựng, duy trì chùa cảnh, nuôi sư. Vì vậy, chùa làng vừa là nơi hoằng truyền Phật pháp đem những tư tưởng của Phật Đà đến với mỗi Phật tử - người dân, đồng thời còn là nơi chốn phục vụ đời sống tâm linh của cộng đồng làng.

Kết luận

Nhìn từ tự viện, đối tượng thờ cúng, nghi lễ Phật giáo Thời Trần cho thấy hầu hết đều đạt tới đỉnh cao so với các thời kỳ trước đó. Có được những thành quả trên một mặt bởi sự nỗ lực của đội ngũ tăng sĩ, sự chuộng Phật đạo của tín đồ - người dân, nhưng có một điểm không thể không kể đến đó là vai trò của vương triều Trần. Một triều đại có thể nói là đỉnh cao nhìn bởi chiều cạnh từ vua đến vương hầu quý tộc không chỉ thấm đẫm tinh thần Phật pháp mà còn đóng góp cho Phật pháp. Có thể kể đến hai Đại cư sĩ: Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ với tư tưởng hòa quang đồng trần, là Phật Hoàng Trần Nhân Tông với cư trần lạc đạo. Sự ra đời của Phật giáo Trúc Lâm có vai trò rất lớn của Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng Sĩ. Vua, vương hầu quý tộc Trần có vai trò cực kỳ to lớn với xây dựng, trùng hưng chùa cảnh, đúc chuông, tô tượng. Các vương hầu quý

tộc là những đại thí chủ dâng cúng ruộng đất tài sản để kiến tạo nên những cụm di tích mà ngày nay vẫn còn hiện diện.

Điều này góp một phần lý giải khi vương triều Trần suy vi, sụp đổ, kéo theo Phật giáo thời kỳ phong kiến không còn vị trí đỉnh cao.

Kỷ niệm 800 năm vương triều Trần là dịp để khẳng định công lao, thành tựu của vương triều trên tất cả các lĩnh vực trong đó có lĩnh vực Phật giáo. Qua đó, nhìn từ lĩnh vực Phật giáo cần thiết phải bảo tồn, phát huy những thành quả mà vương triều Trần đạt được trong thời kỳ mới của đất nước.

Tác giả: **PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương** - Phòng Phật giáo đương đại, Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội, tháng 11 năm 2025

Tài liệu tham khảo:

- 1] *Đại Việt sử ký toàn thư*, trọn bộ (2013), Nxb. Thời đại.
- 2] TT.TS. Thích Nguyên Đạt, *Lịch sử tư tưởng các tông phái Phật giáo Trung Hoa*, Đề cương bài giảng chương trình Tiến sĩ cho Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- 3] Nguyễn Đại Đồng (2018), *Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến năm 1981*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- 4] Thượng tọa. TS. Thích Thọ Lạc, PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương (2023), *Phật giáo và Phật giáo Việt Nam: Tăng già, Phật pháp, tự viện, nghi lễ*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
- 5] Nguyễn Lang (2012), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Phương Đông, Hà Nội.
- 6] Nārada Mahā Thera (2013), *Đức Phật và Phật pháp*, Phạm Kim Khánh (dịch), Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- 7] Nguyễn Tử Mẫn (2001), *Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 8] Nhiều tác giả (2022), *Nghi lễ tôn giáo và thực hành nghi lễ tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 9] Thượng tọa. TS. Thích Thanh Quyết, PGS.TS. Trịnh Khắc Mạnh (Đồng chủ biên), (2018), *Trúc Lâm Tam Tổ Phật giáo từng thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

10] Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long (2013), *Chùa Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

11] Nguyễn Quốc Tuấn (2012), *Chùa Bối Khê nhìn từ khảo cổ học Phật giáo* (Sách chuyên khảo), Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

12] TS. Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), (2017), *Giá trị Phật giáo chùa Vĩnh Nghiêm*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Chú thích:

[1] *Chùa Khai Phúc - Hành cung Vũ Lâm. Chốn tổ Thiền phái Trúc Lâm*, Tạp chí Nghiên cứu Phật học. vn. Chùa Khai Phúc - Hành cung ... Truy cập ngày 3/7/2024.

[2] Thượng tọa Thích Thanh Phương, trụ trì chùa Sủi, Hà Nội: *Chùa Báo Ân hương Siêu Loại với thiền sư Huệ Nhẫn Từ Giác quốc sư*, trong *Tạp chí Nghiên cứu Phật học* số tháng 7/2025 (193), tr 33 - 34.

[3] Nguyễn Tử Mẫn (2001), *Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 129.

[4] Thượng tọa. TS. Thích Thanh Quyết, PGS.TS. Trịnh Khắc Mạnh (Đồng chủ biên), (2018), *Trúc Lâm Tam Tổ Phật giáo từng thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 22 - 23.

[5] Thượng tọa. TS. Thích Thanh Quyết, PGS.TS. Trịnh Khắc Mạnh (Đồng chủ biên), (2018), *Trúc Lâm Tam Tổ Phật giáo từng thư*, Sdd, tr 79.

[6] Nguyễn Quốc Tuấn (2012), *Chùa Bối Khê nhìn từ khảo cổ học Phật giáo* (Sách chuyên khảo), Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr 194.

[7] TT.TS. Thích Nguyên Đạt, *Lịch sử tư tưởng các tông phái Phật giáo Trung Hoa*, Đề cương bài giảng chương trình Tiến sĩ cho Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội.